

Số: 03/PA - MTĐT

Vinh, ngày 11 tháng 04 năm 2025

PHƯƠNG ÁN
Xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của Công ty năm 2025

- Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ; kế hoạch sử dụng lao động năm 2025 của Công ty;
- Căn cứ vào Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và hệ thống thang bảng lương Công ty
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2024.

Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách, Ban điều hành và người lao động như sau:

I. MỘT SỐ THÔNG TIN LÀM CƠ SỞ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Một số chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	TH 2024	KH 2025
1	Doanh thu	1.000đ	164.647.622	180.215.130	196.434.492
2	Tổng chi phí không có lương	1.000đ	87.762.145	92.991.499	102.182.701
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	1.798.684	2.311.994	2.543.193
4	Yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến lợi nhuận	1.000đ	-	-	-
5	Chênh lệch trả thưởng được loại trừ khi xác định lợi nhuận	1.000đ	-	-	-

6	Lợi nhuận sau thuế sau khi đã loại trừ chênh lệch trả thưởng	1.000đ	1.798.684	2.311.994	2.543.193
7	Tổng số lao động bình quân	Người	496	493	520
8	Năng suất lao động W_{ld} theo chi phí	Đ	154.014	176.409	181.253
9	Tốc độ tăng năng suất lao động I_w	%		0,15	0,03
10	Mức tăng lợi nhuận I_{ln}			0,29	0,10
11	Tổng quỹ tiền lương sau rà soát (chưa kể tiền ăn giữa ca)	đ	74.592.081	84.657.445	91.072.800
12	Tiền lương bình quân thực hiện TL_{bqth} sau rà soát (chưa kể ăn ca)	đ	12.544	14.309	14.595
13	Khoản tiền lương tăng hoặc giảm thêm so với năng suất lao động TL_{ns}	đ	-	-	-
14	Khoản tiền lương tăng hoặc giảm theo lợi nhuận TL_{ln}	đ	-	-	-
15	Tiền lương bình quân sau điều chỉnh	đ	12.544	14.309	14.595
16	Tốc độ tăng tiền lương bình quân	%		0,14	0,02

2. Phương pháp xác định một số chỉ tiêu:

a. Xác định số lao động kế hoạch sử dụng bình quân năm 2025

Số lao động kế hoạch sử dụng bình quân năm 2025 được tính theo công thức:

$$L_{bqkh} = \frac{\sum_{i=1}^12 li}{t}$$

Trong đó:

L_{bqkh} : Số lao động kế hoạch sử dụng bình quân năm

li : Số lao động kế hoạch sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm

i : Số nguyên, dương dùng để chỉ tháng thứ i trong năm từ 1 đến 12

t : Số tháng trong năm

Bảng tính số lao động kế hoạch sử dụng bình quân các tháng trong năm như sau:

Năm	Lao động sử dụng bình quân các tháng trong năm											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2025	495	515	519	530	525	528	525	515	525	523	520	525

Xác định số lao động kế hoạch sử dụng bình quân:

$$(495 + 515 \times 2 + 519 + 530 + 525 \times 4 + 528 + 523 + 520) : 12 = 520 \text{ người}$$

b. Năng suất lao động kế hoạch W_{kh}

$$W_{kh2025} = \frac{(\sum T_{kh} - \sum C_{kh}) \text{ hoặc } T_{spkh}}{L_{bqkh}}$$

Trong đó:

+ W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch;

+ $\sum T_{kh}$: Tổng doanh thu kế hoạch;

+ $\sum C_{kh}$: Tổng chi phí (chưa có tiền lương) kế hoạch;

+ T_{spkh} : Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ kế hoạch;

+ L_{bqkh} : Số lao động bình quân kế hoạch

Loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến lợi nhuận và chênh lệch trả thưởng thực tế năm 2024. Ta có:

$$W_{ldth\ 2024} = \frac{180.215.130 - 93.245.691}{493} = 176.409.000$$

$$W_{ldkh\ 2025} = \frac{196.434.492 - 102.182.701}{520} = 181.253.000$$

* Tốc độ tăng năng suất lao động (I_w) kế hoạch năm 2025 so với thực hiện năm 2024 là:

$$I_w = \left[\frac{181.253.000}{176.409.000} \times 100\% \right] - 100\% = 0,03$$

* Tốc độ tăng lợi nhuận kế hoạch năm 2025 so với thực hiện năm 2024 là:

$$I_p = \left[\frac{2.543.193}{2.311.994} \times 100\% \right] - 100\% = 0.10$$

II. XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025

Căn cứ vào các chỉ tiêu xây dựng năm 2025, Công ty có năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2025 cao hơn năng suất lao động thực hiện của năm trước liền kề, nên mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqkh2025} = TL_{bqthnt} + TL_{ln}$$

Trong đó:

- $TL_{bqkh2025}$: Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025
- TL_{bqthnt} : Mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề là:
- TL_{ln} : Khoản tiền lương tăng thêm theo lợi nhuận, được xác định theo công thức sau:

$$TL_{ln} = TL_{bqthnt} \times \frac{P_{kh}}{P_{thnt}} - 1 \times 0,2$$

Trong đó:

- P_{kh} : Lợi nhuận kế hoạch
- P_{thnt} : Lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề

Ta có:

$$TL_{ln} = 14.309.000 \times \frac{2.543.193}{2.311.994} - 1 \times 0,2 = 286.000 \text{ đồng}$$

$$TL_{bqkh2025} = 14.309.000 + 286.000 = 14.595.000 \text{ đồng}$$

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 tính theo công thức:

$$V_{kh2025} = TL_{bqkh2025} \times L_{bqkh2025} \times 12$$

Trong đó:

- V_{kh2025} : Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025
 - $TL_{bqkh2025}$: Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025
 - $L_{bqkh2025}$: Số lao động bình quân kế hoạch năm 2025
- 12: Số tháng trong năm

$$V_{kh2025} = 14.595.000 \text{ đ/người} \times 520 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 91.072.800.000 \text{ đồng}$$

2. Quỹ tiền lương kế hoạch theo chế độ, chế độ khác (không tính trong đơn giá tiền lương)

2.1. Tiền ăn ca

Đơn giá tiền ăn ca: 30.000 đồng/người/ngày

Tổng tiền ăn ca: $520 \times 30.000 \times 26 \times 12 = 4.867.200.000$ đồng

2.2. Quỹ tiền lương làm thêm ngoài giờ theo chế độ

a. Quỹ tiền lương làm thêm ngày chủ nhật

Tiền lương bình quân 1 ngày của 1 lao động: $14.595.000 : 30 = 486.500$ đồng

Tổng tiền lương làm thêm ngày chủ nhật:

$$486.500 \times 200\% \times 36 \times 520 = 18.214.560.000 \text{ đồng}$$

b. Quỹ tiền lương làm thêm ngày Lễ, tết theo chế độ (11 ngày/năm):

$$486.500 \times 400\% \times 11 \times 520 = 11.131.120.000 \text{ đồng}$$

Quỹ tiền lương kế hoạch theo chế độ + chế độ khác không tính trong đơn giá tiền lương

$$\begin{aligned} W_{khcd} &= (2.1) + (2.2) = 4.867.200.000 + 18.214.560.000 + 11.131.120.000 \\ &= 34.212.880.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Vậy, tổng quỹ lương kế hoạch của người lao động năm 2025 là:

$$\begin{aligned} \sum V_{khtlkh2025} &= V_{kh2025} + W_{khcd} \\ &= 91.072.800.000 + 34.212.880.000 = \mathbf{125.285.680.000 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng.

III. Kế hoạch phân phối quỹ tiền lương năm 2025

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 dự kiến phân bổ như sau:

3.1. Quỹ tiền lương của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách

DVT: Đồng

STT	Chức vụ	Nội dung	Mức lương cơ bản (đ)	Hệ số	Số tiền được hưởng (đ)
01	Chủ tịch HĐQT	Tiền lương	31.000.000	1.78	662.160.000
		Phụ cấp trách nhiệm		0.5	26.460.000
		Tiền lương, thưởng tháng 13			57.385.000
		Tiền làm thêm ngoài giờ			137.724.000
		Tiền thưởng vượt lợi nhuận			3.854.000
		Tiền làm thêm lễ, Tết			84.164.667
02	Trưởng BKS	Tiền lương	26.000.000	1.54	480.480.000
		Phụ cấp trách nhiệm		0.3	15.876.000
		Tiền lương, thưởng tháng 13			41.363.000
		Tiền làm thêm ngoài giờ			99.271.200
		Tiền làm thêm lễ, Tết			60.665.733
Tổng cộng					1.669.403.600

(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm lẻ ba ngàn, sáu trăm đồng).

3.2. Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động Công ty năm 2025

Sau khi phân bổ tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát, quỹ tiền lương còn lại của Ban điều hành và Người lao động còn lại như sau:

$$125.285.680.000 \text{ đồng} - 1.669.403.600 \text{ đồng} = 123.616.276.400 \text{ đồng}$$

(Một trăm hai mươi ba tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng).

Trên đây là phương án xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, kính trình HĐQT xem xét phê duyệt. 10

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Nghệ An (để b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An (để b/c);
- Sở Tài chính Nghệ An (để b/c);
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Hội đồng quản trị Công ty (phê duyệt);
- TV Ban giám đốc và các bộ phận (thực hiện);
- Lưu VT/CT.



Phú Văn Phụng